TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2018
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giàu;

Bà Nguyễn Thị Kiều My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Tạo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị H, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: tổ 3, ấp 4, xã V, huyện T, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: tổ 18, ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Bảo X, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: tổ 3, ấp 4, xã V, huyện T, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: tổ 18, ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hồ Thị H trình bày:

Về hôn nhân: chị Hồ Thị H đăng ký kết hôn với anh Lê Bảo X tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An vào ngày 14 tháng 7 năm 2011 (Giấy chứng nhận kết hôn số 69-2011, quyển số 01-2011). Năm 2014, chị H và anh X phát sinh

mâu thuẫn do anh X không có trách nhiệm với gia đình, chị H còn phát hiện anh X ngoại tình. Chị H có khuyên ngăn anh X nhưng không có kết quả. Chị H và anh X không sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Nay chị H không thể tiếp tục chung sống với anh X nên chị H yêu cầu ly hôn anh X.

Về nuôi con chung: vợ chồng có một con chung tên là Lê Thị Bảo N, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2012, hiện nay cháu N đang ở với chị H. Theo Đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2017, chị H có nguyện vọng nuôi cháu N và yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị H chỉ có nguyện vọng nuôi cháu N và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: chị H không yêu cầu tranh chấp.

Bị đơn anh Lê Bảo X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh X đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh X.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: ngày 06 tháng 02 năm 2018, Tòa án triệu tập hợp lệ anh X lần thứ nhất để tham gia phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 01 tháng 03 năm 2018, anh X vắng mặt không lý do; ngày 02 tháng 3 năm 2018, Tòa án triệu tập hợp lệ anh X lần thứ hai để tham gia phiên tòa vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 22 tháng 3 năm 2018, anh X cũng vắng mặt không lý do. Do anh X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh X.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của chị H và anh X là hôn nhân hợp pháp. Chung sống đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, chị H nghi ngờ anh X ngoại tình. Theo Biên bản xác minh ngày 19 tháng 01 năm 2018 do Tòa án lập (bút lục số 50), tình trạng hôn nhân của chị H và anh X phù hợp với lời trình bày của chị H tại Tòa. Chị H và anh X là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau từ năm tháng 10 năm 2017 đến nay là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay,

chị H không muốn tiếp tục chung sống với anh X nên chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh X theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị H và anh X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, quyết định cho chị H và anh X ly hôn.

Về nuôi con chung: chị H yêu cầu được nuôi con chung là cháu Lê Thị Bảo N và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu này của chị H là hoàn toàn phù hợp; căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận, anh X có trách nhiệm giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi. Chị H không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản, nợ chung: chị H không yêu cầu tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị H.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Hồ Thị H và anh Lê Bảo X.

- Về nuôi con chung:

Anh Lê Bảo X có trách nhiệm giao con chung tên Lê Thị Bảo N, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2012 cho chị Hồ Thị H trực tiếp nuôi, chị Hồ Thị H không yêu cầu anh Lê Bảo X cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Bảo X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản, nợ chung: chị Hồ Thị H không yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí: chị Hồ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002731 ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương. Chị Hồ Thị H đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện B;
- UBND xã Q, H. L, T. Nghệ An;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Xuyến